TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/5/2023
"V/v: Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Xuân Hoài
Ông Nguyễn Đăng Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Mai - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023 về việc: "Ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/5/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: anh Bùi Viết N; sinh năm 1989; nơi cư trú: Số nhà 155, Tổ 2, khu N, phường K, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: chị Vũ Thị Q; sinh năm 1989; nơi cư trú cuối cùng: Số nhà 155, Tổ 2, khu N, phường K, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở: Nhật Bản, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Bùi Viết N trình bày:*

Tôi và chị Vũ Thị Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 24/3/2010, tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với bố mẹ tôi tại Tổ 2, khu N, phường K, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, bình thường đến tháng 7/2017, chị Q đi xuất khẩu lao động tại Nhật với thời hạn 03 năm. Hết thời hạn lao động, chị Q không về Việt Nam nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm

đến ai. Chị Q không cho tôi biết địa chỉ cụ thể hiện nay của chị Q tại Nhật. Đến nay tôi nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, tôi không còn tình cảm với chị Q nữa, tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam giải quyết cho tôi được ly hôn với chị Q để ổn định cuộc sống.

Về con chung: tôi và chị Q có hai con chung là Bùi Tuấn A, sinh ngày 27/8/2010 và Bùi Trang L, sinh ngày 27/9/2013. Từ khi chị Q đi lao động tại Nhật và hiện nay, hai con chung đều đang ở với tôi, do tôi nuôi dưỡng. Khi Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Công văn số: 6638/QLXNC-P5 ngày 29/3/2023, của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của chị Vũ Thị Q như sau: từ năm 2017 đến nay, Vũ Thị Q sinh ngày 07/4/1989, đã xuất nhập cảnh 01 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 28/7/2017, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

* Ngày 20/4/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã nhận được văn bản của bà Trần Thị G (là mẹ đẻ của chị Q) và anh Vũ Văn Q (là anh trai ruột của chị Q), cùng địa chỉ: thôn K, xã N, thành phố H, Quảng Ninh cho biết: năm 2017, chị Q đi xuất khẩu lao động tại Nhật, đến nay chưa về. Từ khi đi xuất khẩu lao động đến nay, chị Q thường xuyên gọi điện thoại về cho mẹ đẻ và anh trai ruột nhưng không nói cho biết địa chỉ cụ thể của chị Q tại Nhật. Nên bà G và anh Q, đều không thể cung cấp địa chỉ chính xác của chị Q tại Nhật cho Tòa án được.

* Tại Biên bản ghi ý kiến ngày 15/3/2023 của cháu Bùi Tuấn A, sinh ngày 27/8/2010 và cháu Bùi Trang L, sinh ngày 27/9/2013, các cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng với bố (nếu bố mẹ ly hôn).

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

- Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán; Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án, đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Bùi Viết N như nêu trên. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh nhận thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N đối với chị Q; giao hai con chung là Bùi Tuấn A, sinh ngày 27/8/2010 và Bùi Trang L, sinh ngày 27/9/2013, cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình tố tụng, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: *"Ly hôn, nuôi con chung"*; bị đơn chị Vũ Thị Q hiện đang sinh sống, làm việc tại Nhật. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Nguyên đơn anh Bùi Viết N vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn chị Vũ Thị Q vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ cho người thân trong gia đình, niêm yết các văn bản tố tụng tại chính quyền địa phương. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; hướng dẫn tại Công văn số: 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và công bố các tài liệu, chứng cứ do Tòa án xác minh, thu thập.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh Bùi Viết N và chị Vũ Thị Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/3/2010, tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh N và chị Q sinh sống chung nhà với bố mẹ anh N tại Tổ 2, khu N, phường K, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh, cuộc sống hạnh phúc, bình thường đến năm 2017, chị Q đi xuất khẩu lao động tại Nhật. Trong thời gian chị Q lao động tại Nhật, không về thăm gia đình và chồng con, hai vợ chồng đã sống ly thân từ khi chị Q đi Nhật đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy: anh N và chị Q không còn tồn tại thực tế đời sống chung vợ chồng; vợ chồng không thực hiện nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, quan tâm giúp đỡ nhau cả về vật chất và tinh thần, không còn cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh N đối với chị Q.

[2.2] Về con chung: anh N và chị Q có hai con chung là Bùi Tuấn A, sinh ngày 27/8/2010 và Bùi Trang L, sinh ngày 27/9/2013. Từ khi chị Q đi lao động tại Nhật và hiện nay, hai con chung do anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng cho các con chung. Căn cứ quy định tại Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh N đối với chị Q, do đó yêu cầu, quan điểm của

anh N về việc được tiếp tục được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung khi ly hôn là có căn cứ và phù hợp với nguyện vọng của các cháu Bùi Tuấn A và Bùi Trang L nên chấp nhận. Chị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: anh Bùi Viết N không yêu cầu chị Q cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: anh Bùi Viết N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Bùi Viết N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh về nội dung giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận đơn khởi kiện của anh Bùi Viết N.

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Bùi Viết N được ly hôn với chị Vũ Thị Q.

[2] Về con chung: giao cho anh Bùi Viết N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Bùi Tuấn A, sinh ngày 27/8/2010 và Bùi Trang L, sinh ngày 27/9/2013 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Vũ Thị Q, không phải cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, chị Vũ Thị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu chị Vũ Thị Q lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Bùi Viết N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Hoặc nhận thấy anh Bùi

Viết N không đủ điều kiện bảo đảm quyền lợi ích của con thì chị Vũ Thị Q có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: anh Bùi Viết N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: anh Bùi Viết N phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0016161 ngày 08/3/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho: anh Bùi Viết N biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật; chị Vũ Thị Q biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND cấp cao;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- UBND p. N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thúy Hằng